



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, Thành phố Bắc Ninh

ĐT: 02223.821.230

Email: [cdcن.bci@gmail.com](mailto:cdcن.bci@gmail.com)

Fax: 02223.855.477

Website: [www.bci.edu.vn](http://www.bci.edu.vn)

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**  
**NĂM 2024**

*Bắc Ninh, tháng 12 năm 2024*

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CD	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giáo viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Công trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	ThS	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

Số: 51 /BC-CĐCN

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả tự đánh giá chất lượng Trường năm 2024**

## **PHẦN I TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG VÀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG**

#### **1. Thông tin chung về Nhà trường**

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: Bac ninh College of Industry
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.4. Địa chỉ trường: Số 499, đường Hàn Thuyên, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- 1.5. Số điện thoại: 0222 3 821 230
- 1.6. Email: [cdcن.bci@gmail.com](mailto:cdcن.bci@gmail.com)
- 1.7. Website: [www.bci.edu.vn](http://www.bci.edu.vn)
- 1.8. Năm thành lập trường:
  - Năm 1970 (năm thành lập) - Trường công nghiệp Hà Bắc.
  - Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.
  - Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh.
  - Năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.9. Loại hình trường: Công lập

#### **2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường**

##### **2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày trên 50 năm xây dựng và phát triển. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công

nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982 - 1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988 - 1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.

- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc đổi tên trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

- Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

- Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với nhiều ngành nghề ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

<b>TT</b>	<b>Tên nghề đào tạo trình độ Cao đẳng</b>
1	Điện công nghiệp
2	Điện tử công nghiệp
3	Hàn
4	Cắt gọt kim loại
5	Công nghệ ô tô
6	Kế toán doanh nghiệp
7	Cơ điện tử
8	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)

9	<i>Quản trị mạng máy tính</i>
10	<i>Công nghệ chế tạo máy</i>
11	<i>Thương mại điện tử</i>
12	<i>Tự động hoá công nghiệp</i>

+ Trình độ Trung cấp với 10 nghề đào tạo:

<b>TT</b>	<b>Tên nghề đào tạo trình độ Trung cấp</b>
1	<i>Điện công nghiệp</i>
2	<i>Điện tử công nghiệp</i>
3	<i>Hàn</i>
4	<i>Cắt gọt kim loại</i>
5	<i>Công nghệ ô tô</i>
6	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
7	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
8	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
9	<i>Bảo trì và sửa chữa ô tô</i>
10	<i>Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)</i>

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

<b>TT</b>	<b>Tên nghề đào tạo trình độ Sơ cấp</b>
1	<i>Điện công nghiệp</i>
2	<i>Điện tử công nghiệp</i>
3	<i>Điện dân dụng</i>
4	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
5	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
6	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
7	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
8	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
9	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
10	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
11	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
12	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
13	<i>Phay CNC</i>
14	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>Máy công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>

20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì và sửa chữa ô tô</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên thực hiện đào tạo ngành Kỹ thuật Điện – Điện tử và ngành Chế tạo máy trình độ đại học, đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

## **2.2. Những thành tích đã đạt được**

### *1. Công tác chỉ đạo triển khai*

Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Duy trì, ổn định quy mô đào tạo trên 2.200 HSSV và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn 2022-2024, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt 98%, trong đó chiếm đến 95% sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và có khoảng 70% sinh viên được các doanh nghiệp tuyển chọn trước khi tốt nghiệp.

Rà soát, điều chỉnh, cải tiến, mở thêm và triển khai thực hiệu quả chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn cho phù hợp yêu cầu thị trường lao động. Xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo nghề theo mô hình đào tạo song hành phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp cho một số nghề.

Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Sư phạm dạy nghề, kỹ năng nghề và các lớp dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp).

### *2. Công tác tuyên truyền, tư vấn GDNN*

Trong thời gian từ năm 2021-2024, công tác tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp đã đạt được Nhà trường triển khai với nhiều hình thức thể hiện phong phú, ngay sau khi học sinh, sinh viên nhập học nhà trường đã tổ chức tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu về các mô hình đào tạo nghề của trường, xu hướng phát triển, dự báo nhu cầu của các ngành nghề trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra vô cùng nhanh chóng.

Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp, tích cực, chủ động trong việc tổ chức tuyên

truyền và tư vấn về GDNN trong các đợt tuyển sinh, các chương trình ngày hội tư vấn hướng nghiệp do Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Ninh tổ chức.

### 3. Công tác HSSV

#### \* Cơ sở vật chất phục vụ công tác HSSV:

Trong giai đoạn 2021-2024 được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên nhà trường được đầu tư xây dựng khu nhà thể thao đa năng phục vụ cho các hoạt động của HSSV, đã đưa vào sử dụng từ năm 2022.

Hệ thống xưởng thực hành và khu nhà hiệu bộ được cải tạo sửa chữa với mức kinh phí trên 32 tỷ đồng, khu luyện tập thể dục thể thao cho sinh viên được đưa vào sử dụng.

Nhà trường phối hợp với Ban quản lý khu ký túc xá sinh viên của tỉnh để HSSV nhà trường có thể sử dụng các khu thể thao và các dịch vụ của KTX.

#### \* Các phong trào thi đua:

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua Dạy tốt, học tốt, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”.

- Năm học 2023-2024, là năm đánh dấu nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Bên cạnh việc phát động các đợt thi đua gắn liền với các ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước như “Mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới”; “Kỷ niệm ngày Giải phòng miền nam, thống nhất đất nước” “Kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam” “Mừng sinh nhật Bác”... Tích cực tham gia các cuộc thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức. Các phong trào được triển khai sâu rộng trong đội ngũ viên chức, người lao động và HSSV góp phần tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong toàn trường.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai tổ chức phong trào thi đua được tổ chức bài bản. Chương trình được xây dựng cụ thể về thời gian, nội dung, đối tượng tham gia, người phụ trách, kinh phí tổ chức và kinh phí khen thưởng... Kế hoạch được triển khai tới các đơn vị và tập thể HSSV để thực hiện thông qua các tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Cuối mỗi đợt thi đua đều có tổ chức sơ kết, đánh giá, khen thưởng và rút kinh nghiệm trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV. Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.

- Tham gia các hoạt động ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ nhất cho toàn thể cán bộ, nhà giáo và HSSV trên website, bảng tin và tại thư viện, website: <http://thuvienso.bci.edu.vn>.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.

- Tổ chức học tập đầu khóa với các nội dung như giáo dục truyền thống Nhà trường, phổ biến quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy chế nội trú, quy chế ngoại trú, các chế độ

chính sách, tham quan thực tế,...

- Tổ chức gặp mặt phụ huynh HSSV đầu khóa học nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh, thảo luận các biện pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác quản lý, giáo dục HSSV.

- Các hoạt động thể thao được tổ chức cho HSSV vào các dịp: Chào mừng ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 với các nội dung thi: Bóng chuyền, cầu lông....;

- Thi Kỹ năng nghề cho HSSV năm 2023 với kết quả công nhận 39 HSSV đạt kỹ năng nghề cấp trường trong đó có 03 giải nhất, 09 giải nhì và 10 giải ba; năm 2024 với kết quả công nhận 50 HSSV đạt kỹ năng nghề cấp trường trong đó có 12 giải nhất, 13 giải nhì và 12 giải ba; Có 21 sinh viên của 9 nghề được đăng ký thi kỹ năng nghề cấp tỉnh năm 2024 (dự kiến tổ chức thi trong tháng 12/2024)

- Thực hiện tổ chức Bảo vệ đồ án tốt nghiệp cho sinh viên Cao đẳng K11, K12, sinh viên hệ Liên thông cao đẳng khóa 3, khóa 4, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Trong năm 2023 nhà trường có 22 đề tài cấp trường được công nhận, năm 2024 có 11 đề tài cấp trường được nghiệm thu công nhận kết quả.

- Tổ chức và duy trì các hoạt động thư viện trong nhà trường cho GV và HSSV.

- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.

#### **\* Kết quả học tập, rèn luyện:**

Trong năm 2024 nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đảm bảo tiến độ, chất lượng; Giò soát, thanh tra, kiểm tra quá trình giảng dạy của giảng viên. Ban hành kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm học 2023-2024, thành lập tổ thanh kiểm tra cùng tổ chức đào tạo năm học 2023-2024; Thành lập các Hội đồng chấm đồ án/KLTN cho SV Cao đẳng Khóa 11; Thực hiện thanh kiểm tra đào tạo năm học 2022-2024. Tăng cường cùng tổ chức dư giờ, thanh kiểm tra đào tạo, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thường xuyên cùng tổ chức thực hiện quy chế giảng dạy, học tập của GV và HSSV.

- Kết quả học tập và kết quả rèn luyện năm học 2023-2024 của 1514 HSSV đang theo học tại trường. Kết quả cụ thể như sau:

+ Học tập: Xuất sắc 77/1514; Giỏi 371/1514; Khỏ 597/1514; Trung bõnh 259/1514; Yếu 210/1514

+ Rõn luyện: Xuất sắc 255/1514; Tõt 770/1514; Khỏ 373/1514; Trung bõnh 111/1514; Yếu 5/1514

#### **\* Tình hình thực hiện BHYT cho HSSV:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là đơn vị nhiều năm liên có tỷ lệ học sinh tham gia BHYT đạt 100%. Năm học 2022-2023, nhà trường có 1.690 HSSV tham gia BHYT; năm học 2023-2024; 2024-2025 có trên 2000 HSSV đăng ký tham gia BHYT. Để



duy trì kết quả 100% HSSV tham gia BHYT, ngay từ đầu năm học BGH nhà trường đã yêu cầu các giáo viên chủ nhiệm tiến hành rà soát, kiểm tra thẻ BHYT của tất cả các em HSSV trong nhà trường nhằm kịp thời phát hiện những trường hợp làm mất, cần cấp lại hay đổi thẻ, bảo đảm quyền lợi khám, chữa bệnh (KCB) cho HSSV; Trong năm 2023, được sự quan tâm của các cấp, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã triển khai, yêu cầu HSSV cài đặt VssID, tỷ lệ HSSV tham gia cài đặt đạt số lượng cao.

Bên cạnh những cách làm trên, nhà trường còn tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV và quan tâm công tác y tế học đường, đây là yếu tố quyết định số lượng HSSV tham gia BHYT. Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông sức khỏe tập trung vào các nội dung như phòng, chống bệnh theo mùa, phòng chống sốt xuất huyết... Chính những hoạt động đó đã tạo được sự đồng thuận, sự tin tưởng của cha mẹ học sinh nên nhiều năm trở lại đây, việc huy động học sinh tham gia BHYT ở Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có nhiều thuận lợi và liên tục nhiều năm liền đạt tỷ lệ 100%.

Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến BHYT HSSV, giúp cho HSSV hiểu thêm về trách nhiệm, quyền lợi của bản thân khi tham gia BHYT.

Đưa chỉ tiêu HSSV tham gia BHYT của trường vào tiêu chí đánh giá thi đua cuối năm; đảm bảo 100% HSSV tham gia BHYT.

Phối hợp với cơ quan BHXH triển khai thực hiện BHYT HSSV và hướng dẫn, cài đặt ứng dụng VssID cho HSSV; quản lý, sử dụng hiệu quả kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường theo quy định.

Trong tháng 10/2024, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho HSSV các lớp khóa mới Cao đẳng K15, các lớp trung cấp K42, LT CĐK6 đảm bảo đúng các quy định.

#### **\* Kết quả thực hiện chính sách cho HSSV:**

Nhà trường chú trọng công tác khuyến học - khuyến tài, kịp thời động viên, khuyến khích các em HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Hàng năm nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện đầy đủ việc miễn giảm học phí học nghề cho các đối tượng HSSV học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh theo quy định của chính phủ. Trong các năm vừa qua, HSSV nhà trường đóng học phí thông qua hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; HSSV năm thứ nhất sẽ đóng học phí năm thứ nhất từ khi nhập học; HSSV các năm tiếp theo sẽ đóng học phí theo năm học, mỗi năm đóng 10 tháng, chia làm 2 học kỳ, mỗi kỳ 5 tháng; đảm bảo đúng các quy định của nhà trường, của Bộ lao động-thương binh và xã hội, của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tài chính và các văn bản nhà nước quy định khác có liên quan.

#### **4. Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp**

##### **\* Kết quả tuyển sinh:**

Được triển khai đảm bảo đúng quy định, công khai, khách quan. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng phù hợp quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - TBXH và tình hình thực tiễn Nhà trường; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh được đa dạng hóa và thu hút nhiều CBVC, HSSV tham gia.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh, các Quy chế, quy định công tác tuyển

sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, thành lập các ban giúp việc của Hội đồng (ban Thư ký và tư vấn tuyển sinh, ban Thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh) theo đúng các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội. Công tác tuyển sinh được triển khai đảm bảo đúng quy định, công khai, khách quan. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng phù hợp quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - TBXH và tình hình thực tiễn Nhà trường;

Kết quả tuyển sinh vượt kế hoạch đã đề ra, theo cụ thể:

**Năm 2022** : Tuyển sinh tập trung dài hạn: 908 HSSV (trình độ Cao đẳng: 665 Sinh viên, Trung cấp: 243 học sinh);).

**Năm 2023** : Tuyển sinh tập trung dài hạn: 844 HSSV (trình độ Cao đẳng: 642 Sinh viên, Trung cấp: 202 học sinh).

**Năm 2024** : Tuyển sinh tập trung dài hạn: 1224 HSSV (trình độ Cao đẳng: 846 Sinh viên, Trung cấp: 378 học sinh).

**\* Kết quả tốt nghiệp:**

- Nhà trường đã thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội trong việc tổ chức việc kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, thực hiện việc cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo cho học sinh, sinh viên.

Năm 2022: Số lượng HSSV hệ chính quy tốt nghiệp: 531 HSSV trong đó: Cao đẳng 370 SV tốt nghiệp, Trung cấp 161 HS tốt nghiệp,

Năm 2023: Số lượng HSSV hệ chính quy tốt nghiệp: 563 HSSV trong đó: Cao đẳng 355 SV tốt nghiệp, Trung cấp 208 HS tốt nghiệp,

Năm 2024: Số lượng HSSV hệ chính quy tốt nghiệp: 509 HSSV trong đó: Cao đẳng 321 SV tốt nghiệp, Trung cấp 153 HS tốt nghiệp,

**5. Chất lượng và hiệu quả đào tạo**

Ngay khi các em HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng để HSSV có điều kiện tiếp cận với nhà tuyển dụng. Trong quá trình phỏng vấn, thi tuyển HSSV đáp ứng được yêu cầu từ phía doanh nghiệp đã được doanh nghiệp lựa chọn vào các nhà máy, cụ thể như Sam Sung, tập đoàn Hồng Hải, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH ABB, ...Kết quả là sau khi ra trường 95% HSSV có việc làm và thu nhập ổn định.

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo. Tăng cường các hoạt động thanh kiểm tra đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt chú trọng rèn luyện tay nghề cho HSSV. Tăng cường kiểm tra các lớp liên kết đang giảng dạy tại các Trung tâm GDTX-GDNN.

**6. Kết quả hợp tác, liên kết với doanh nghiệp về đào tạo và giải quyết việc làm**

Nhà trường hợp tác hiệu quả với doanh nghiệp về đào tạo và giải quyết việc làm, cụ thể:

Tiếp tục thực hiện chương trình kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp “Đào tạo kép” tại công ty TNHH ABB Việt Nam, Công ty TNHH Symkos, Công ty TNHH HB Tech Vina, Công ty TNHH Gara ô tô Thuận Phong...

Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV, đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế và đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp: Canon Tiên Du, Canon Quế Võ, Samsung Display Yên Phong, Công ty Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH LG Việt Nam... Trong năm 2023 nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp để đưa trên 1000 lượt HSSV đi thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp.

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển nhà trường. Theo định kỳ hằng năm nhà trường thường tổ chức các cuộc hội nghị cùng doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Khi các doanh nghiệp có sử dụng lao động của nhà trường thì nhà trường mời trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng kỹ năng nghề sau khi tốt nghiệp.

Trong năm 2023 nhà trường đang chuẩn bị các điều kiện cho kỳ thi AP1 cho sinh viên Khóa 13 nghề Cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn CHLB Đức và nghề Điện tử công nghiệp theo tiêu chuẩn CHLB Đức và AP2 cho sinh viên Khóa 12 cho nghề Cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn CHLB Đức.

*7. Kết quả liên kết đào tạo theo Thông tư 29/2017/TT – BLĐT BXH, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐT BXH ngày 05/4/2022 của Bộ lao động TB&XH*

Nhà trường tổ chức liên kết đào tạo và triển khai các hoạt động hợp tác với trường DHSP-KT Hưng Yên, các trung tâm GDNN-GDTX huyện.

Đẩy mạnh liên kết với các trường đại học để mở các lớp đại học hệ vừa làm, vừa học và phối hợp tìm kiếm đối tượng có nhu cầu học Thạc sỹ để tạo nguồn đào tạo; giúp cho HSSV, học viên có cơ hội học nâng cao trình độ Đại học, Thạc sỹ.

Nhà trường tăng cường hợp tác liên kết với các đơn vị trường đại học, các trung tâm trong và ngoài tỉnh, cụ thể phối hợp đào tạo liên kết với trường DHSP-KT Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH, tuyển sinh các lớp Đại học SPKT Hưng Yên liên kết tại trường với tổng số 126 học viên.

*8. Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống ĐBCL*

Hàng năm, Nhà trường đều tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, đánh giá chương trình đào tạo 07 ngành/ngành: Ngành Cắt gọt kim loại, ngành Điện tử công nghiệp, ngành Công nghệ ô tô, ngành Điện công nghiệp, ngành Tự động hóa công nghiệp, ngành Kế toán doanh nghiệp, ngành Công nghệ thông tin. Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài với 04 ngành: Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp với kết quả đã được cấp chứng nhận đạt cấp độ kiểm định nghề.

*9. Công tác hợp tác quốc tế về GDNN*

*9.1. Hợp tác với tổ chức GIZ của CHLB Đức*

- Về hỗ trợ tuyển sinh, hướng nghiệp, truyền thông:

Dự án hỗ trợ ấn phẩm tuyển sinh, quà tặng truyền thông, tờ rơi giới thiệu ngành nghề, tờ rơi giới thiệu nghề cắt gọt kim loại, điện tử công nghiệp chuẩn CHLB, video giới thiệu về trường, tuyển sinh trên facebook, poster cửa thang máy, tờ rơi về chủ đề cụ thể, poster tuyển sinh.

Hỗ trợ phòng E-Learning studio: Lập kế hoạch và danh mục thiết bị vật tư đảm bảo vận hành khai thác hiệu quả, chủ động trong tổ chức các sự kiện như theo hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Công tác lần vết, giải quyết việc làm sau khi sinh viên tốt nghiệp:

Công tác điều tra khảo sát lần vết học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp được nhà trường phối hợp với tổ chức GIZ của CHLB Đức tiến hành theo định kỳ hàng năm đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường luôn quan tâm đến việc làm khi học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường, hằng năm tỷ lệ 100% có việc làm ngay và trước và ngay sau khi tốt nghiệp, để thực hiện tốt trong công tác tiếp nhận các thông tin từ phía doanh nghiệp cũng như cựu học sinh sinh viên thông qua công tác khảo sát lần vết.

Qua công tác hỗ trợ của tổ chức GIZ học sinh và công chúng có thể tiếp cận, tìm hiểu các thông tin về nhà trường đặc biệt trong công tác tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh các năm đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Hiện tại nhà trường đang duy trì 2 Hội đồng tư vấn nghề khối Cắt gọt kim loại và Điện tử công nghiệp được GIZ hỗ trợ và hoạt động hiệu quả.

- Về chương trình, giáo trình đào tạo:

Trong khuôn khổ dự án ”Đổi mới trong lĩnh vực đào tạo nghề” do chính phủ CHLB Đức tài trợ, tổ chức Giz của CHLB Đức đã chuyển giao chương trình đào tạo Cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn CHLB Đức và chương trình đào tạo Điện tử công nghiệp theo tiêu chuẩn CHLB Đức. Chương trình hiện đang được Nhà trường tiếp nhận và thực hiện giảng dạy từ năm học 2022-2023. Quy mô tuyển sinh 25-30 SV/năm (1 lớp).

Tổ chức Giz của CHLB Đức đã thực hiện chuyển giao giáo trình, tài liệu giảng dạy và sách tham khảo cho 3 khoa Điện - Điện tử, khoa Cơ khí, Công nghệ ô tô với tổng số là 645 quyển. Các tài liệu này được thiết kế cụ thể, dễ hiểu hướng tới tiêu chuẩn Đức đồng thời dự trên các quy định, hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Về công tác bảo đảm chất lượng:

Tổ chức Giz của CHLB Đức đã hỗ trợ nhà trường trong công tác bảo đảm chất lượng, cụ thể: Năm 2023 hỗ trợ nhà trường kinh phí thực hiện đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp; hỗ trợ giảng viên nhà trường tham dự khóa tập huấn “Phương pháp, kỹ năng tự kiểm định (tự đánh giá) trường cao đẳng chất lượng cao năm 2023”.

- Các hoạt động chuyên môn nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý:

Hoạt động chuyên môn nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý được tổ chức Hợp tác phát triển Đức GIZ hỗ trợ cho nhà trường trong nhiều năm qua giúp nhà trường từng bước nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chí tiêu chuẩn của trường Cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025.

Đến nay tổ chức Hợp tác phát triển Đức GIZ hỗ trợ nhà trường trên 100 lượt cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Các hoạt động chính là nâng cao năng lực nhà giáo về Chuyên môn và công nghệ mới, chuyển đổi số, đào tạo trực tuyến, truyền thông, hòa nhập, các hoạt động bồi dưỡng đa dạng và hoàn thiện cho nhà giáo

và cán bộ quản lý (từ cấp phòng, khoa và BGH).

- Những hoạt động có lồng ghép các yếu tố xanh, số, bao trùm:

Tổ chức hợp tác phát triển Đức GIZ hỗ trợ nhà trường các đợt tập huấn xây dựng chiến lược chuyển đổi số trong GDNN và tập huấn cho giảng viên giảng dạy mô đun Xanh hóa, Phương pháp sư phạm số, Đào tạo trực tuyến về “Hệ thống quản lý học tập (LMS)”...

Nhà trường đã triển khai ban hành Quy chế đào tạo trực tuyến và áp dụng đào tạo một số các môn học, mô đun trên hệ thống LCMS.

Hàng năm nhà trường tổ chức cho các giảng viên được tập huấn mô đun Xanh hóa dạy đầu khóa cho HSSV toàn trường với các chủ đề về năng lượng, quản lý chất thải, hóa chất và sự tác động đến môi trường qua đó đã giúp cho HSSV nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Các hoạt động xanh hóa trong trường được duy trì thường niên: Chăm sóc bồn hoa cây cảnh, thu gom Pin hỏng, phân loại rác thải... trong khuôn viên nhà trường

- Hỗ trợ học bổng cho học sinh sinh viên:

Khóa học 2019 - 2022: có 04 nữ sinh học đúng chuyên ngành Cơ điện tử đảm bảo yêu cầu về tiến độ học tập, đủ điều kiện được cấp học bổng:

Khóa học 2020-2023 có 01 HS nữ sinh học đúng chuyên ngành Cơ điện tử đảm bảo yêu cầu về tiến độ học tập, đủ điều kiện được cấp học bổng. Số hợp đồng TVET LS 26\_2021

Khóa học 2021-2024 có 02 HS nữ sinh học đúng chuyên ngành CGKL đảm bảo yêu cầu về tiến độ học tập, đủ điều kiện được cấp học bổng (Số hợp đồng TVET LS 32/2021)

Khóa học 2022-2025 có 04 HS học đúng chuyên ngành ĐTCN đảm bảo yêu cầu về tiến độ học tập, đủ điều kiện được cấp học bổng (Số hợp đồng TVET LS 06\_2023)

Qua quá trình được tổ chức GIZ hỗ trợ học bổng nữ sinh, bản thân các sinh viên và gia đình hết sức trân trọng và sử dụng các khoản hỗ trợ hợp lý phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời nhà trường thường xuyên đưa các thông tin liên quan đến học bổng để công chúng biết được, công tác tuyển sinh của đơn vị ngày một nâng cao cả về số lượng và chất lượng

## *9.2. Hợp tác với các tổ chức nước ngoài khác*

- Ban tổ chức dự án "Hợp tác đào tạo nghề Việt Nam - Phần Lan".

- Ký biên bản ghi nhớ với Trường Đại học CHUNNAM và công ty Du học JEIL.

- Ký biên bản ghi nhớ Học viện Trùng khánh, Trung Quốc.

- Tổ chức Hiệp hội Cải thiện Xã hội và Chuyển đổi Bền Vững Châu Á (ASSIST).

## *10. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về GDNN*

Theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường đang thực hiện đào tạo 5 nghề trọng điểm bao gồm: 01 nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế (Cắt gọt kim loại); 01 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN (Điện tử công nghiệp), 03 nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia (Công nghệ ô tô; Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp) với kết quả cụ thể như sau:

TT	Ngành/ngành	Kết quả tuyển sinh năm 2023	Kết quả tốt nghiệp năm 2023	Kết quả tuyển sinh năm 2024
1	Cắt gọt kim loại	28	29	60
2	Điện tử công nghiệp	177	144	120
3	TĐH công nghiệp	147	44	120
4	Điện công nghiệp	146	105	110
5	Công nghệ ô tô	91	44	90

### 11. Công tác chuyên môn khác

- Thực hiện tổ chức Bảo vệ đồ án tốt nghiệp cho sinh viên Cao đẳng K11, K12 và sinh viên hệ Liên thông cao đẳng khóa 3, Khóa 4

- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ: Tổng số 22 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được phê duyệt và áp dụng.

- Tổ chức và duy trì các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV và CBGV của nhà trường như: Giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông cho HSSV do Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Đoàn TN, Hội SV trường tổ chức; Giải bóng chuyền, cầu lông cho CBGV do công đoàn trường tổ chức.

- Tham gia các hoạt động ngày Sách và Văn hóa đọc cho toàn thể cán bộ, nhà giáo và HSSV trên website, bảng tin và tại thư viện, website: <http://thuvienso.bci.edu.vn>.

### 12. Công tác nghiên cứu khoa học

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

- Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Năm 2023 nhà trường có 22 đề tài cấp cơ sở được triển khai, công nhận. Năm 2024 có 11 đề tài cấp cơ sở được triển khai, công nhận.

### 13. Công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng.

- Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả. Công tác phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đảng, đoàn thể đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua học tốt, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, tiếp sức mùa thi do Đoàn, hội cấp trên phát động. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt diễn ra sôi nổi trong toàn trường. Hội sinh viên nhà trường được Trung ương hội tặng Bằng khen...

#### 14. Công tác thi đua - khen thưởng

- Công tác thi đua, tuyên truyền và biểu dương khen thưởng được duy trì thường xuyên và kịp thời, góp phần động viên đội ngũ cán bộ viên chức, lao động.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, cấp học bổng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc và giảng các xuất học bổng khuyến khích cho các tân HSSV có điểm xét tuyển cao khi nhập học vào trường.

- Trong năm 2022-2023 nhiều tập thể, cá nhân của nhà trường có thành tích xuất sắc trong các phong trào như: “Dạy tốt - Học tốt”, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội giảng... được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng.

- Hiệu trưởng nhà trường tặng thưởng cho 06 giáo viên có thành tích cao trong thi giảng cấp trường và thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS năm 2022. Cụ thể: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 02 giải khuyến khích.

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2023 như sau:

- + Tập thể lao động tiên tiến: 10 đơn vị (100%).
- + Lao động tiên tiến: 102 cán bộ, viên chức, lao động.
- + Chiến sỹ thi đua cơ sở: 08 cá nhân.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: Tập thể nhà trường.
- + Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh: 01 cá nhân
- + Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 01 tập thể, 07 cá nhân.
- + Giấy khen của Hiệu trưởng: 10 cá nhân.

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2024 như sau:

- + Tập thể lao động tiên tiến: 10/10 đơn vị (100%).
- + Lao động tiên tiến: 88 cán bộ, viên chức, lao động.
- + Chiến sỹ thi đua cơ sở: 10 cá nhân.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: 01 cá nhân.
- + Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh: 01 cá nhân
- + Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 04 cá nhân.
- + Giấy khen của Hiệu trưởng: 12 cá nhân.

### 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

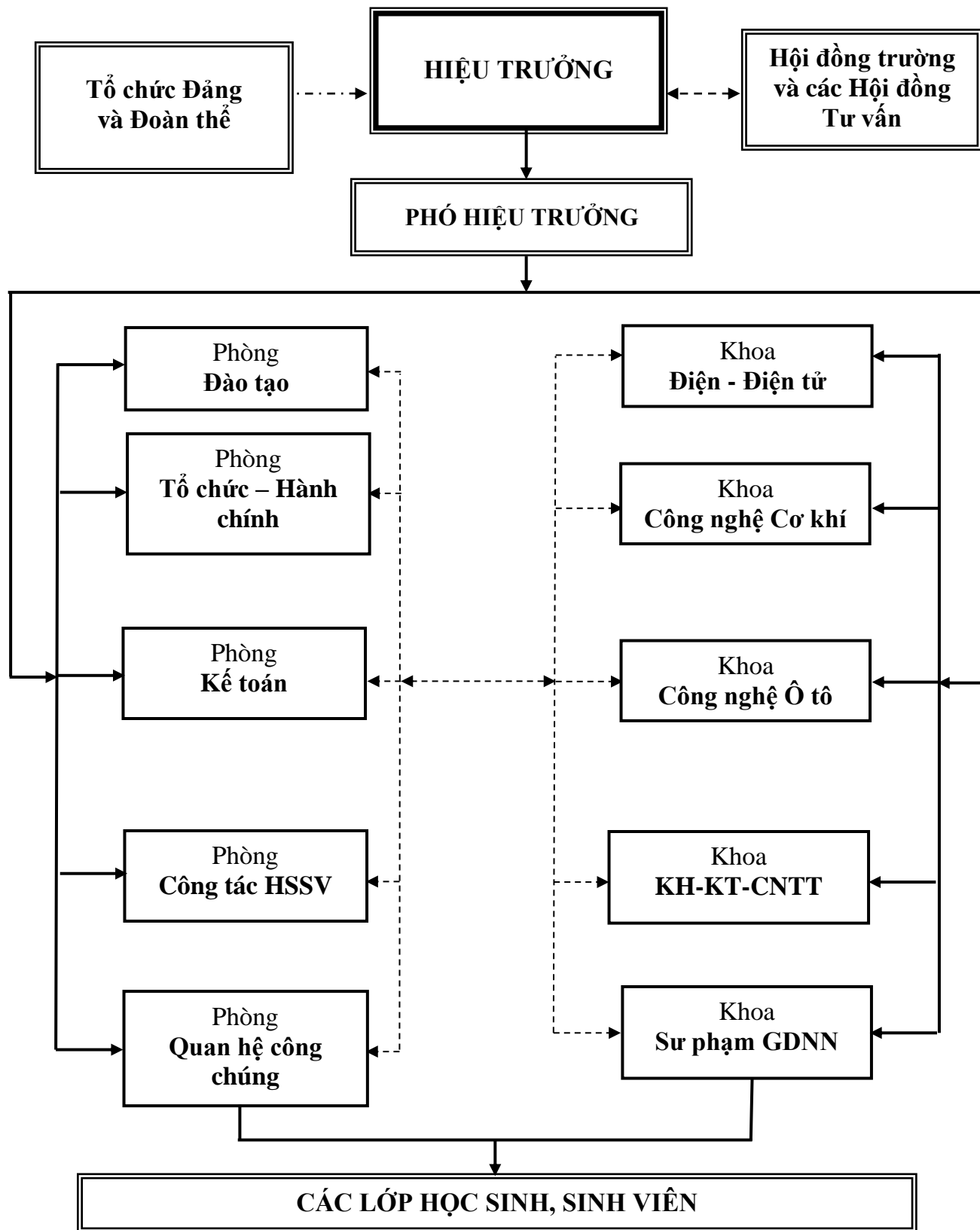
#### 3.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;

- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
  - + Phòng Đào tạo;
  - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
  - + Phòng Kế toán;
  - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
  - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
  - + Khoa Điện - Điện tử;
  - + Khoa công nghệ Cơ khí;
  - + Khoa công nghệ Ô tô;
  - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
  - + Khoa sư phạm GDNN.



## SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



### 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
<b>1. Ban Giám hiệu</b>	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Hiệu trưởng
	Trần Văn Thục	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
<b>2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:</b>				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Bí thư Đảng uỷ
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Lê Sỹ Phính	1964	Đại học	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thục	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Tạ Thị Huyền	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sỹ	Chủ tịch
<b>3. Các phòng (05 phòng):</b>				
Phòng TCHC	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTHSSV	Lê Sỹ Phính	1964	Đại học	Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QHCC	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
<b>4. Các khoa (05 khoa):</b>				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa KH-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Trưởng Khoa

### 3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường</b>	<b>92</b>	<b>103</b>	<b>108</b>
<b>2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo</b>	<b>64</b>	<b>75</b>	<b>81</b>
- Tiến sĩ	01	01	01
- Thạc sĩ	29	44	50
- Đại học	34	30	30
- Cao đẳng	0	0	0
<b>3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường</b>	<b>64</b>	<b>75</b>	<b>81</b>

### 4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	100	110	115	114	110	175
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	85	106	120	145	150	175
3	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	50	67	70	31	60	57
4	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	65	73	80	91	125	87
5	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	25	21	28	23	36	46
6	Cơ điện tử	Cao đẳng	36	37	40	55	50	63
7	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	35	74	80	61	70	51
8	Thương mại điện tử	Cao đẳng	25	46	60	45	50	37

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
9	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	30	0	35	26	35	36
10	Tự động hoá công nghiệp	Cao đẳng	35	71	90	147	190	206
11	Điện công nghiệp	Trung cấp	35	46	25	38	50	79
12	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	45	54	25	40	50	83
13	Hàn	Trung cấp	35	19	25	16	35	41
14	Cắt gọt kim loại	Trung cấp	25	22	25	33	30	38
15	Công nghệ ô tô	Trung cấp	18	0	25	0	0	0
16	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	28	36	25	32	50	39
17	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp	26	44	25	39	35	73
18	Công nghệ thông tin (ƯDPM)	Trung cấp					70	64
19	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	2	30	4	30	5
20	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	1	30	1	30	7
21	Điện dân dụng	Sơ cấp	30	1	30	2	30	2
22	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	1	20	2	20	3
23	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
24	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp	25	3	25	0	25	0
25	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp	25	0	25	1	25	1
26	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
27	Phay CNC	Sơ cấp	20	1	20	1	20	1
28	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	2	25	0	25	0
29	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	2	30	3	30	3
30	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	4	25	10	25	5
31	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	9	20	7	20	2
32	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	2	90	2	90	3

**\* Quy mô tuyển sinh:**

Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNDKHD-TCDN, ngày 23/6/2017; Số 175a/2017/GCNDKBS-GDNN, ngày 25/8/2017; số 175b/2017/GCNDKBS-TCGDNN, ngày 26/7/2019).

**5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính**

**5.1. Cơ sở vật chất**

- Tổng diện tích đất : <24.310> m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 24.310 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 7,298 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục công trình	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Khu hiệu bộ	503	503	503
2	Phòng học lý thuyết	1400	1400	1400
3	Xưởng/phòng thực hành	7840	7840	7840
4	Khu phục vụ			
4.1	Thư viện	150	150	150
4.2	Ký túc xá	4742	4742	4742
4.3	Nhà ăn	300	300	300

<b>TT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>
4.4	<i>Trạm y tế</i>	20	20	20
4.5	<i>Khu thể thao</i>	5000	5000	5000
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)			

### **5.2. Tài chính**

<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Ước thực hiện 6 tháng đầu năm</b>	<b>Ước thực hiện cả năm</b>	<b>KH năm 2025</b>
<i>1. Nguồn thu</i>	Triệu đồng	7,123	8,139	5,731	8,139	9,728
Ngân sách nhà nước:	"	7,123	8,139	5,731	8,139	9,728
Học phí	"	15,244	18,600	3,315	18,600	23,700
Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	"	1,501	1,350	1,191	1,350	1,350
Thu khác	"	362	300	44	300	300
<i>2. Tổng quyết toán</i>	Triệu đồng					
Chi thường xuyên	"	7,123	8,139	5,731	8,139	9,728
Chi đầu tư	"					
Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	"					
Chi khác	"	92	150	23	150	200

## PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã trải qua trên 50 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo, coi chất lượng đào tạo là uy tín, là thương hiệu, là cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển bền vững. Nhờ vậy Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ Cán bộ, Giảng viên, Nhân viên có chất lượng và số lượng, đáp ứng nhiệm vụ, có cơ sở vật chất đảm bảo được yêu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. Đến nay Trường đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho phép đào tạo 12 ngành trình độ Cao đẳng, 10 ngành trình độ trung cấp và 29 ngành trình độ sơ cấp. Uy tín của Nhà trường ngày càng được HSSV và xã hội khẳng định, chỉ tiêu đào tạo và khả năng tuyển sinh của Nhà trường năm sau đều cao hơn năm trước. Đến nay Nhà trường đã thu hút được gần 3000 HSSV. Hàng vạn HSSV đã tốt nghiệp, hầu hết đã tìm được việc làm và đang giữ vai trò quan trọng trong các cơ quan, xí nghiệp. Nhiều HSSV tiếp tục học lên đại học.

Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm và mục tiêu mà bất cứ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào cũng phải cố gắng phấn đấu để đạt được. Khi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đề ra chủ trương các trường tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, lãnh đạo Trường đã xác định “Tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là việc làm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và có tác dụng thiết thực trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường”.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự đánh giá, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã sớm thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng bao gồm các ông, bà đại diện Ban Giám hiệu, các Khoa, Phòng, các đại diện của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Nhà trường nhằm hoàn thành với chất lượng cao Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường. Báo cáo được thực hiện liên tục và đã hoàn thành đúng kế hoạch tiến độ đề ra.

Báo cáo đã thể hiện sự đóng góp công sức của nhiều đơn vị, cá nhân trong toàn trường, nhất là các thành viên của Hội đồng tự kiểm định, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình và góp ý chân thành của các chuyên gia, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đã tập huấn nâng cao nhận thức tự đánh giá cho các thành viên của Nhà trường, truyền đạt kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm tự đánh giá cũng như góp ý cho quá trình xây dựng kế hoạch, viết đề cương báo cáo... cho các thành viên Hội đồng tự kiểm định của Nhà trường.

Báo cáo đã thể hiện được tính khách quan, trung thực và công khai, minh bạch. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong Báo cáo đã có các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo đã bao quát được đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Sau khi lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV, báo cáo đã được chỉnh sửa, hoàn thiện, trở thành tư liệu quý, góp phần quan trọng trong việc giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu đào tạo của trường cho giai đoạn tiếp theo, theo hướng cao hơn; Báo cáo còn là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tự đánh giá đã thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường cao đẳng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019.

### **2.2. Mục đích tự đánh giá**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

### **2.3. Yêu cầu tự đánh giá**

Căn cứ công văn hướng dẫn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019



Căn cứ vào bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐT BXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thành viên Hội đồng tự kiểm định và các đơn vị trực thuộc rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công và thực hiện tự đánh giá theo hướng dẫn theo Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Thành viên Hội đồng tự kiểm định viết báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn mẫu 3.2 thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 15/12/2017.

Việc mã hoá minh chứng được quy định theo hướng dẫn tại mẫu 3.3 thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 15/12/2017.

## 2.4. Phương pháp tự đánh giá

### 2.4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường theo quy định.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường qua các năm.

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của đơn vị; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, gửi các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp để lấy ý kiến.

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đúng thời hạn quy định.

#### 2.4.2. Đối với các Phòng, Khoa thuộc trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Phối hợp với các thành viên Hội đồng kiểm định hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí được giao.

#### 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng.

- Các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm:

+ Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

+ Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các phòng/khoa, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

### 3. Tự đánh giá

#### 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	<b>Tổng điểm</b>	<i>100</i>	<b>97</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng,	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
	nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.		
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>17</b>	<b>16</b>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	<i>1</i>	<i>0</i>
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
	học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.		
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	<i>1</i>	<i>1</i>
3	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>	<b><i>15</i></b>	<b><i>14</i></b>
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>0</i>
3.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý	<i>1</i>	<i>1</i>



STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.15	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b><i>15</i></b>	<b><i>14</i></b>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực	1	1

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
	hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.		
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo	<i>1</i>	<i>1</i>
6	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	<i>1</i>	<i>1</i>
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>8</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	<i>1</i>	<i>1</i>

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	<i>1</i>	<i>1</i>
<b>9</b>	<b>Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
9.1	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	<i>1</i>	<i>1</i>
9.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
9.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
9.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1



### **3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

**(CÁC BÁO CÁO TIÊU CHÍ KÈM THEO)**

## **PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Công tác tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp là một quá trình xem xét và đánh giá trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN do Bộ LĐTĐ-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCL GDNN, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL GDNN được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng dạy đào tạo, hướng tới kiểm định chương trình đào tạo.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh, tổng cục giáo dục nghề nghiệp thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV Nhà trường, CBGV phụ trách công tác tự kiểm định chất lượng GDNN, nâng cấp trường thành trường Chất lượng cao.

***Nơi nhận:***

- TCGDNN (b/c);
- Sở LĐTĐ-XH (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BĐCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Quang Khuê**